

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân công, phân cấp về quản lý, vận hành khai thác
và tổ chức giao thông trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 và Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ.

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ GTVT quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ GTVT hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ GTVT hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

Quyết định số 3705/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác cầu; phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa tại Tờ trình số 1579/TTr-SGTVT ngày 20/4/2016 về việc phân công, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận

hành khai thác và tổ chức giao thông trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; của Sở Tư pháp tại Công văn số 556/STP-XDVB ngày 12/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân công, phân cấp về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Giao thông vận tải (để b/c);
- Tổng Cục ĐBVN (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tư pháp (để cập nhật cơ sở dữ liệu);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lê Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

V/v phân công, phân cấp về quản lý, vận hành khai thác
và tổ chức giao thông trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1693/2016/QĐ-UBND ngày 18/15/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phân loại đường giao thông nông thôn (GTNT)

1. Hệ thống đường huyện là các đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường nối đường tỉnh với trung tâm hành chính của xã hoặc trung tâm cụm xã.
2. Hệ thống đường xã là các đường nối trung tâm hành chính của xã đến thôn (bản) hoặc đường nối giữa các xã, đường nối từ đường huyện đến thôn (bản) và đường từ thôn (bản) ra cánh đồng.
3. Đường thôn (bản) là đường nối từ đường huyện, đường xã đến thôn (bản); đường nối giữa các thôn (bản) đến ruộng đồng, nương rẫy, cơ sở sản xuất, chăn nuôi.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông; quy định việc phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn, trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông; quy định việc phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn, trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quản lý, vận hành khai thác đường GTNT

1. Việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT phải bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ, an toàn cho người, tài sản và công trình khác trong phạm vi hành lang an toàn đường GTNT, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

2. Đường GTNT khi đưa vào vận hành khai thác phải bảo đảm chất lượng theo quy định.

3. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân thực hiện các hành vi sau:

a) Tự ý tháo, lắp hoặc có hành vi phá hoại, làm mất tác dụng các bộ phận, hạng mục của công trình đường GTNT;

b) Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường GTNT;

c) Sử dụng các bộ phận, hạng mục thuộc công trình đường GTNT, đất của đường GTNT trái quy định;

d) Lắp đặt trái phép đường ống cấp nước, thoát nước, dây tải điện, cáp quang, cáp viễn thông và các công trình khác vào các bộ phận, hạng mục đường GTNT hoặc trong phạm vi hành lang an toàn đường GTNT.

4. Nội dung quản lý, vận hành khai thác đường GTNT được quy định tại Chương III, Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ GTVT hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn.

Chương II

PHÂN CÔNG PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC VÀ TỔ CHỨC GIAO THÔNG TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Điều 5. Phân công, phân cấp về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên đường giao thông nông thôn

1. Đối với đường GTNT hiện trạng và đường do Nhà nước đầu tư, thực hiện theo Khoản 3, Điều 48, Luật Giao thông đường bộ; Điểm 2, Điểm 3, Điều 4, Chương I tại Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể:

a) Đối với các tuyến đường huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) là Chủ quản lý, sử dụng đường và chịu trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông.

b) Đối với các tuyến đường xã, đường thôn (bản) giao UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) là Chủ quản lý, sử dụng đường và chịu trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông.

2. Đối với các đường thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư, sở hữu tư nhân thì chủ sở hữu đường là Chủ quản lý sử dụng đường. Chủ quản lý, sử dụng đường có thể ủy quyền, ký hợp đồng để thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông.

- Trường hợp cộng đồng dân cư, tư nhân không đủ khả năng làm chủ quản lý sử dụng đường, thì UBND cấp huyện hoặc cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác đường cho phù hợp nội dung tại Khoản 1 Điều 5 quy định này và Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT.

- Trường hợp các bên góp vốn không thống nhất được chủ quản lý sử dụng đường, thì UBND cấp huyện hoặc cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, vận hành khai

thác đường cho phù hợp nội dung tại Khoản 1 Điều 5 quy định này và Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT.

3. Chủ quản lý sử dụng đường chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên đường giao thông nông thôn

1. Đối với đường giao thông nông thôn thuộc sở hữu của Nhà nước: Hàng năm Chủ quản lý các tuyến đường có trách nhiệm bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 và Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ.

2. Đối với đường giao thông nông thôn thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư, sở hữu tư nhân, Chủ sở hữu tự bố trí kinh phí thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông theo các quy định.

Điều 7. Thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông đường giao thông nông thôn

1. Việc thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông đường giao thông nông thôn theo các quy định của pháp luật về quản lý tài chính.

2. Các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí để thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông đường giao thông nông thôn thuộc sở hữu Nhà nước có trách nhiệm quản lý, quyết toán nguồn vốn theo chế độ quản lý tài chính.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẶC BIỆT TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Điều 8. Công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn phải lập, phê duyệt và thẩm định quy trình quản lý, vận hành khai thác

1. Đối với các công trình xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp phải lập quy trình quản lý, vận hành khai thác:

- a) Bến phà đường bộ;
- b) Đường ngầm;
- c) Hầm đường bộ có sử dụng thiết bị thông gió và thiết bị khác phục vụ vận hành khai thác;

d) Các trường hợp khác do Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư quy định.

2. Đối với các công trình đang khai thác, sử dụng phải lập quy trình quản lý, vận hành khai thác:

a) Các công trình quy định tại điểm a, b và c; Khoản 1, Điều này.

b) Các trường hợp khác do Chủ quản lý sử dụng đường GTNT quy định.

Điều 9. Trách nhiệm lập, phê duyệt và thẩm định quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn

1. UBND cấp huyện lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt tại Điều 8 quy định này trên đường giao thông nông thôn do mình quản lý.

2. UBND cấp xã lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt tại Điều 8 quy định này trên đường giao thông nông thôn do mình quản lý.

3. Đối với đường giao thông nông thôn do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư là Chủ quản lý sử dụng lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt tại Điều 8 quy định này do mình quản lý.

4. Trước khi chủ quản lý, sử dụng phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt tại Điều 8 quy định này trên đường giao thông nông thôn phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải.

5. Việc lập quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn do Chủ quản lý sử dụng tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng và kinh nghiệm thực hiện.

6. Cơ sở lập thực hiện theo Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ GTVT.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải, các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư

1. Sở giao thông vận tải:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp huyện theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, việc thực hiện các quy định về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông; lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường GTNT trên địa bàn tỉnh.

b) Quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý, vận hành khai thác, và tổ chức giao thông; thẩm định quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường GTNT theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định này và pháp luật có liên quan.

b) Hàng năm UBND huyện, xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí nguồn kinh phí cho công tác này và báo cáo về việc bố trí kinh phí thực hiện về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, tổng hợp (nếu có nội dung chưa phù hợp thì Sở GTVT phối hợp với Sở Tài chính để cùng giải quyết) và báo cáo UBND tỉnh.

c) Thường xuyên kiểm tra, cập nhật số lượng, chất lượng các công trình giao thông trên địa bàn quản lý, nếu có phát sinh các công trình giao thông nhỏ (không thuộc nhóm các công trình đặc biệt) thì thông báo kịp thời về Sở giao thông vận tải để Sở Giao thông vận tải kiểm tra và hướng dẫn thực hiện quy trình quản lý, vận hành khai thác.

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng: Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã Các tổ chức, cá nhân có liên quan làm nhiệm vụ quản lý hệ thống đường huyện, đường xã tiến hành tổng kết, đánh giá công tác quản lý, vận hành khai thác. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giao thông vận tải để Sở Giao thông vận tải tổng hợp đề nghị cấp trên khen thưởng theo các quy định hiện hành nhằm động viên, khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, vận hành khai thác hệ thống đường huyện, đường xã.

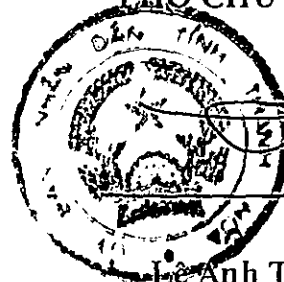
2. Xử lý vi phạm: Địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân nào vi phạm các quy định về quản lý, vận hành khai thác hệ thống đường huyện, đường xã tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả xảy ra sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Sở Giao thông vận tải, các ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn